

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 73/2026/QĐST-VHNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 102/2026/TLST-VHNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

+ Ông Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1987. Căn cước công dân số: 074087002729. Địa chỉ: Tổ G, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Huỳnh Thị Hoàng L, sinh năm 1989. Căn cước công dân số: 074189003270. Địa chỉ: Tổ G, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Hoàng E và bà Huỳnh Thị Hoàng L chung sống và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Dương (Nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 13/05/2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hoàng E và bà Huỳnh Thị Hoàng L là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Hoàng E và bà Huỳnh Thị Hoàng L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] *Về con chung*: Ông Nguyễn Hoàng E và bà Huỳnh Thị Hoàng L có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Phúc A, sinh ngày 17/10/2014. Sau khi ly hôn, ông E và bà L thống nhất giao cháu Nguyễn Hoàng Phúc A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[3] *Về cấp dưỡng*: Ông Nguyễn Hoàng E và bà Huỳnh Thị Hoàng L tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Nguyễn Hoàng E và bà Huỳnh Thị Hoàng L tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm*: Ông Nguyễn Hoàng E và bà Huỳnh Thị Hoàng L mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng E và bà Huỳnh Thị Hoàng L thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị Hoàng L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Hoàng Phúc A, sinh ngày 17/10/2014.

1.3. Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Hoàng E và bà Huỳnh Thị Hoàng L tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

1.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.5. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng E và bà Huỳnh Thị Hoàng L tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Hoàng E và bà Huỳnh Thị Hoàng L mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006823 ngày 21/01/2026 của Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 15 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường B,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Trần Châu Giang